## 順利邨體育館

## **Shun Lee Tsuen Sports Centre**

2024

健身室時間表 Timetable for Fitness Room

年 月 Year 6 Month 
 T/P
 訓練/活動
 T

 M
 保養日
 M

Training / Programme
Maintenance

場地關閉 Closed

本健身室可供時票與月票人士的入場配額為:

月票名額:20時票名額:5

	1 1				1	1	II .				1	I			1 1			1 1		1 1	1	1 1		1							
日期 Date	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
Time 時間	(六)	(日)	(-)	(二)	(三)	(四)	(五)	(六)	(日)	(-)	( — )		(四)	(五)	(六)	(日)	(一)	(二)	(三)	(四)	(五)	(六)	(日)	(一)	(二)	(三)	(四)	(五)	(六)	(日)	
	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	
7 - 8 am					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P			
8 - 9 am					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P			
9 - 10 am			M	T/P	T/P	T/P	T/P				T/P	T/P	T/P	T/P		T/P	M	T/P	T/P	T/P	T/P				T/P	T/P	T/P	T/P			
10 - 11 am			M	T/P	T/P	T/P	T/P				T/P	T/P	T/P	T/P		T/P	M	T/P	T/P	T/P	T/P				T/P	T/P	T/P	T/P			
11 - 12 nn			M													T/P	M														
12 - 1 pm			M														M														
1 - 2 pm			M														M														
2 - 3 pm			M					T/P									M					T/P									
3 - 4 pm				T/P		T/P		T/P			T/P		T/P					T/P		T/P		T/P			T/P		T/P				
4 - 5 pm				T/P		T/P		T/P			T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P				
5 - 6 pm																															
6 - 7 pm					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P			
7 - 8 pm					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P					T/P		T/P			
8 - 9 pm																															
9 - 10 pm																															
10 - 11 pm																															ì

PH: Public Holiday 公眾假期

am/nn/pm: 上午/中午/下午